

Số: 64/QĐ-QLTT

Lào Cai, ngày 05 tháng 2 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số: 3684/QĐ-BCT ngày 11/10/2018 của Bộ Công Thương Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Lào Cai trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 2339/QĐ-QLTT ngày 31/12/2020 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Lào Cai (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng các Phòng chuyên môn, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường, công chức và người lao động thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: KT, VT.



Đỗ Du Bắc

TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI



BIỂU CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số **64** /QĐ-QLTT ngày **05** / **2** /2021 của
Cục Quản lý thị trường tỉnh Lào Cai)

Kho bạc nhà nước đơn vị giao dịch: Kho bạc nhà nước tỉnh Lào Cai

Mã số Kho bạc nhà nước: 2611

Mã số đơn vị QHNS: 1044751

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Kinh phí được giao	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	16.463.000.000	
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	14.411.000.000	
2	Kinh phí thực hiện không tự chủ	2.052.000.000	
2.1	Chi khác theo đặc thù ngành, lương lao động hợp đồng	581.000.000	
2.2	Chi mua sắm TSCĐ, thuê Trụ sở làm việc, kinh phí xử phạt vi phạm hành chính, kinh phí chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả	1.147.000.000	
2.3	Kinh phí thuê trụ sở làm việc	324.000.000	